

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
TÒA THÁNH TÂY NINH

TIÊN THIÊN
TIỂU HỌC
NGUYỄN TRUNG HẬU

HỘI THÁNH GIỮ BẢN QUYỀN

Ebook được làm theo ẨM-BẢN phổ biến trên Website của DAOCAODAI.INFO. Mọi góp ý, đề nghị thay đổi, sửa chữa những sơ sót, có thể có, xin vui lòng gửi điện thư vào địa chỉ: *tamnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn THÁNH THẤT NEW SOUTH WALES – AUSTRALIA, BAN PHỤ TRÁCH KINH SÁCH WEBSITE DAOCAODAI.INFO đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website ngõ hầu GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 14/12/2011
Tâm Nguyên

TIÊN THIÊN

TIỂU HỌC

NGUYỄN TRUNG HẬU

MỤC LỤC

1. LỜI TỰA	7
2. ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ	8
3. ĐẮNG TẠO HÓA.....	10
4. ĐẠO LÀ GÌ?.....	13
5. PHẢI THƯỜNG ĐỒNG LOẠI.....	16
6. TU LÀ GÌ?.....	17
7. SAO GỌI LÀ TRỞ VỀ NGÔI CŨ?.....	19
8. TA CÓ NÊN TU MỘT MÌNH KHÔNG?.....	20
9. TẠI SAO TA PHẢI LẬP CÔNG QUẢ?	21
10. KINH KỆ.....	22
11. PHẠM VONG CẦN PHẢI CẦU SIÊU	24
12. CÚNG TẾ.....	25
13. KIẾP NGƯỜI.....	27
14. LUẬN VỀ SỰ CHẾT.....	28
15. KIẾP LUẬN HỒI.....	30
16. NHƠN QUẢ.....	32
17. CƠ BÚT.....	34
18. MƯỜI BÀI THI KHUYẾN ĐẠO	37

LỜI TỰA

Ít bài sơ luận trong quyển sách này, cốt để giúp ích cho chư Đạo hữu mới nhập môn mà chưa hiểu đạo lý đặng rõ ràng.

Tôi chẳng dám tự xưng rằng biết Đạo, song đối với người chưa biết, may ra tôi cũng có một đôi phần hơn.

Tôi không dụng văn chương, chỉ nói thường cho dễ hiểu, lý luận lấy tiếng thường dùng, ví dụ cho rành rẽ, chẳng dám luận sang đàng, cho kẻ đọc mơ hồ khó hiểu...

Mars 1927

NGUYỄN TRUNG HẬU

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ

Đời mạt kiếp luân thường diên đảo,
 Khắp nhân gian tội báo đầy đầy.
 Làm lành thì chẳng mấy ai,
 Những tay nghiệt ác tà tây lại nhiều.
 Miễn mình đừng mới chiều vui sướng,
 Kẻ cơ hàn chẳng tưởng, chẳng thương.
 Túi tham tính chúa cho tràn,
 Không phân Địa ngục, Thiên đàng là đâu.
 Câu: Thiện ác đáo đầu hữu báo,
 Phải biết rằng Thiên Đạo chí công.
 Tuy là Trời Đất mệnh mông,
 Lưới thưa lông lộng mây lông lọt nào.
 Sớm muộn ắt biển hao núi lở,
 Đấng Hóa Công chẳng nỡ ngôi yên.
 Từ bi xuống phước độ đời,
 Đem đò Bát Nhã rước người thiện tâm.
 Kẻ bạo ác lục trâm đáng số,
 Người hiền lương nữ ngộ thiên tai?
 Hữu phần đến cảnh Bồng Lai,
 Vô duyên chẳng khỏi đọa ngay A Tỳ.
 Vậy mới có Tam Kỳ Phổ Độ,
 Đại Đạo khai cứu khổ khắp nơi.
 Chứa chan muôn đội ơn Trời,
 Gióng chuông khải ám cho người hồi minh.
 Khuyên ai xét tội tình từ thuở,

Mà ăn năn sớm gõ lối lần.
 Chớ nên quyền luyện hồng trần,
 Mau mau thức tỉnh tu thân vẹn tuyền.
 Tu đặng cứu Cửu Huyền, Thất Tổ,
 Tu phòng sau độ rồi tử tôn.
 Tu cho trong sạch linh hồn,
 Linh hồn trong sạch Thiên môn mới gần.
 Lời thành thật ân cần khuyến thiện,
 Chớ tưởng cho là chuyện hoang đàng.
 Trải bao thế cuộc giàu sang,
 Khác nào một giấc mơ màng chiêm bao.
 Chớ lẫn lựa nửa sau than muộn,
 Đừng phui pha mà uống ngôi xưa.
 Linh quang một điểm chẳng vừa,
 Giữ sao cho khỏi bọt như môi mầu.
 Đầu cúi lạy khẩn cầu Thượng Đế,
 Đức háo sanh lo tế độ người.
 Tá danh là Đức Cao Đài,
 Cầm quyền Quốc Đạo bền dai đời đời.

N.T.H.

ĐẲNG TẠO HÓA

Người ta thường gọi Ông Trời là Đấng Tạo Hóa. Sao gọi là Đấng Tạo Hóa? Tạo là làm ra, lập ra, Hóa là biến ra sanh ra. Đấng Tạo Hóa là Đấng Chí Tôn dựng nên Càn Khôn, Thế Giới, hóa sanh Nhơn loại cùng cả vạn vật. Đấng Tạo Hóa là một khối linh quang rất lớn, do nơi Khí Hư Vô mà hóa ra (ether).

Trước Trời Đất chưa mở mang, giữa không trung chẳng có chi hết: Ấy là Hư Vô. Thoạt nhiên hai lần không khí, một lần nóng (Dương), một lần nguội (Âm) đụng nhau, nổ một tiếng lớn như sấm sét chúng ta thường nghe, hóa ra một khối lửa. Đương khi tiếng sấm ấy vừa nổ, thì đã có Chơn linh của Chí Tôn sanh ra ngự ngay giữa khối lửa đó, gọi là Thái Cực. Thái Cực càng ngày càng lớn thêm hoài, chẳng dính nguyên khối đặng, phải rã ra làm hai đoạn dài mà xoay tròn giữa không trung. Sách gọi là Thái Cực sanh Lưỡng Nghi. Lưỡng Nghi vận chuyển, thoạt nhiên cây nẩy nằm ngang cây kia, gài chữ Thập (La croix) đưa ra bốn cánh. Sách gọi Lưỡng Nghi phân Tứ Tượng. Bốn cánh có hình nầy gọi là Tứ Dương, vì xoay lẹ như chong chóng nên biến dạng ra bốn cái xen kẽ nữa, gọi là Tứ Âm, thành ra tám cánh. Sách gọi là Tứ Tượng sanh Bát Quái. Cái Bát Quái lửa ấy vận chuyển lẹ làng, đuôi mòn, cánh dứt, lẩn lẩn văng ra thành vòn vòn, muôn muôn hỏa cầu, lớn nhỏ không đều như pháo hoa cải vậy. Những quả cầu ấy xoay tròn giữa không trung, lẩn lẩn nguội bớt, mới vì lửa mà biến ra đá bao quanh, chẳng khác gì sắt nung thiệt đỏ tự nhiên biến ra một lớp cứt sắt bao trùm ngoài vậy. Khi có đá bao quanh, thì hỏa cầu

nguội lẩn mà biến ra nước. Có đất, có sắt đá, có nước rồi mới có cây cỏ, có cây cỏ mới có lửa gọi là Ngũ Hành. Có Ngũ Hành rồi mới phân biệt Trời, Đất. Có Trời, Đất rồi mới có Nhơn vật, biến biến, sanh sanh chẳng cùng, chẳng tột, nên gọi là Bát Quái biến hóa vô cùng.

Tuy trong Càn Khôn, Thế Giới có vòn vòn tinh dầu mặt dầu, chớ các vì sao nguội rồi mà thành địa cầu, có Nhơn loại ở thì chỉ có ba ngàn bảy mươi hai trái mà thôi (Tam thiên thế giới và Thất thập nhị địa). Khí Hư Vô đụng nhau tại ngôi Bắc Đẩu. Lập Bát Quái cũng tại ngôi Bắc Đẩu, nên Bạch Ngọc Kinh là nơi Đấng Chí Tôn ngự cũng tại ngôi Bắc Đẩu. Vì vậy mà vẽ Thiên Nhân Thất tại ngôi sao ấy. Ngôi Bắc Đẩu là rún của Càn Khôn, Thế Giới.

Có bài thi giảng cơ của Lý Thái Bạch Đại Tiên như vậy:

*Thái cực sơ khai lập Lưỡng Nghi,
Bạch vô Thiên Địa vị phân thì.
Kim quang, lôi, điện, âm dương định,
Tinh tú từng sanh chuyển tứ vi.*

Ấy vậy Thiên Địa lập ra cũng thọ sanh nơi khối linh quang Thái Cực. Người cũng thọ hưởng một phần nhỏ mọn của khối linh quang ấy (monade). Nên chi Thầy thường nói “*Các con là Thấy, Thấy là các con*”.

Cái khối linh quang rất lớn lao của Đấng Chí Tôn rất nên huyền diệu, tủa ra muôn muôn, vòn vòn ánh sáng, bao trùm cả thế giới, cho nên nơi nào có ánh sáng là nơi của Chí Tôn ngự. Trong mỗi tua ánh sáng ấy, dường như có một con mắt, để xét xem việc lành dữ của Nhơn loại. Có câu phương ngôn Lang sa rằng: “*Dieu voit tout. Dieu*

existe partout et à tout moment”.

Nghĩa là: “*Trời thấy cùng hết. Ở đâu và giờ nào cũng có Trời cả*”.

Nên chỉ những việc mình làm, dầu lành, dầu dữ, dầu trong chỗ tối, dầu giữa thanh thiên, bạch nhật, không một mảy mún nào mà Trời không thấy, thậm chí hể tâm mình vừa động, thì Đấng Chí Tôn đã biết rồi. Vì sao vậy?

Trên tôi đã nói rằng mỗi người đều thọ lãnh một điểm linh quang của Ngài (chacun de nous est une parcelle divine). Cái điểm linh quang ấy ở tại tâm ta, hể tâm ta động, điểm linh quang của ta tiếp với khối linh quang của Ngài mà cảm ứng nhau (vibrer à l’unisson), như hai chỗ có điện thoại giao tiếp nhau vậy. Bởi cơ mà Ngài biết rõ việc mình đương tính đó. Sách Nho có câu: “*Nhơn tâm sanh nhứt niệm, Thiên Địa tất giai tri*”.

ĐẠO LÀ GÌ?

Nghĩa lý chữ Đạo rất bao hàm, sâu xa, thiếu học như tôi khó mà giải cho đích xác, tôi xin luận sơ lược như vậy:

Đạo là cội rễ của Càn Khôn, Thế Giới. Trước khi có Đời thì đã có Đạo rồi.

Âm Dương là Đạo, bao trùm cả Trời Đất. Âm Dương dựng nên Càn Khôn, Thế Giới rồi mới có Đời.

Đạo là vô vi, Đời là hữu hình. Vô vi và hữu hình buộc phải hiệp nhau làm một mối đặng. Có Đạo mới có Đời, có Đời nhờ có Đạo.

Tỉ như cây đèn luôn về ngọn lửa của nó là hữu hình tức là Đời. Còn ánh sáng gọi ra vốn vô vi, tức là Đạo.

Nếu cây đèn không ánh sáng ai còn gọi cây đèn?

Cái chén, vòng gốm ngoài là hữu hình, tức là Đời. Mà lòng trống ở trong là vô vi, tức là Đạo. Nếu chén không có lòng đựng cơm, rót nước, sao kêu bằng chén?

Cái cửa, vòng khuôn cây ngoài và hai cánh (hay là một cánh) là hữu hình, tức là Đời, còn cái khoảng trống không, để chun qua lại là vô vi, tức là Đạo. Nếu không lỗ chun qua chun lại, ai cho là cái cửa?

Cái bánh xe, luôn về vành tròn và cái hoa cửi, là hữu hình, tức là Đời, mà cái lỗ trống ở giữa để tra cốt vào cho bánh xoay là vô vi, tức là Đạo. Nếu không có lỗ để tra cốt, thì làm sao bánh xe xoay đặng? Rồi thì ai cho là bánh xe?

Thi hài chúng ta là hữu hình, tức là Đời, còn linh hồn là vô vi, tức là Đạo, nếu người không hồn thì phải tiêu diệt.

Nghĩa bóng thì Đạo là Đường vô hình, vô ảnh, để

điều dắt như sanh trở về quê xưa, cảnh cũ, tức là Bạch Ngọc Kinh. Phật gọi là Niết Bàn (Nirvana). Nên chi, kẻ thác gọi là về quê, là nơi nguyên bốn mình hiệp làm Một cùng Đấng Chí Tôn. Mà muốn đắc kiếp ấy, cần phải đi cho nhằm đường (Hành Chánh Đạo). Nếu ta đi sai đường (Tà Đạo), thì chẳng khỏi lạc vào chốn hiểm nguy, mà làm nô lệ đời đời, kiếp kiếp của Tà Thần, Tinh Quái.

Ấy vậy, Đạo rất cần ích cho cá nhân và xã hội. Người có Đạo biết giữ luật Trời, biết kiêng phép nước, biết trọng cang thường luân lý, biết thương đồng loại.

Trong nước mà có Đạo, xã hội cộng hưởng hòa bình, dân sự được thuận phong, mỹ tục.

Kẻ vô đạo như đứa mù, mà là đứa mù tất phải lạc vào nẻo vạy đường tà, đọa chốn trầm luân, khổ hải, buổi chung qui phải mặt kiếp dưới A Tỳ, đọa Tam đồ không phương trốn tránh.

Làm quan ý quyền hiếp đáp dân lành, đứa ngu quen thấy phản bạn, làm loạn luân thường..., găm lại cũng vì vô đạo mà ra.

Nước không đạo, dân phải hèn, như người không hồn, xác phải tiêu diệt. Đạo là hồn nước vậy.

Đạo là thuyền độ chúng sanh qua khỏi sông mê, biển khổ. Thuyền tuy không đáy, người hữu duyên chớ mấy chẳng chìm, kẻ vô phước một người cũng đắm.

THI RẰNG

*Đạo như đuốc huệ rọi đường tu,
Đạo vốn nguồn trong rửa mạch sâu.
Đạo giải oan khiên căn nghiệp trước,
Đạo gìn hạnh phúc cháu con sau.*

*Đạo dịu kẻ đến miền an lạc,
Đạo chỉ người tìm chước diệt lao.
Đạo để làm nền vun cội đức,
Đạo là thang bắc tận trời cao.*

PHẢI THƯƠNG ĐỒNG LOẠI

Con người nhờ thọ tinh cha huyết mẹ, mới tượng nên hình vóc. Cha mẹ là Tạo Hóa về phần vật chất. Còn về hồn thì mọi người đều thọ của Đấng Chí Tôn một điểm linh quang mới có sự hằng sống. Ấy vậy, Đấng Tạo Hóa là Cha chung cả thiên hạ về phần thiêng liêng.

Thế thì cả thiên hạ bất luận dân nào, nước nào đều là con một Cha, mà hễ con một Cha thì phải tất thương nhau. Ấy là Đạo.

TU LÀ GÌ?

Tu là trau giồi đức tánh, dọn mình cho trong sạch, ăn năn tội cũ, cho tâm mình trở nên tinh tấn, linh hồn mình trở nên nhẹ nhàng, sáng láng, hầu khi thoát xác trở lại bốn nguyên (ngôi cũ), hiệp làm một cùng Chí Tôn, gọi là đắc kiếp.

Tu chẳng cần phải cạo đầu, mặc áo già, ở chùa và tụng kinh gõ mõ cho nhiều. Quý chẳng là tại tâm đó thôi.

Ta vừa làm Nhơn đạo, vừa lo Thiên đạo cũng được vậy, nghĩa là cũng làm ăn như thường, song khác hơn người thường là ngoài giờ làm lụng, thay vì đi chơi bởi vô ích, rượu trà cờ bạc, v.v... cho tốn tiền sanh bệnh, ta lại để giờ rảnh ấy mà trau mình, quan sát việc hành động nội ngày coi phải hay là quấy, như có lỡ làm điều chi ta nghĩ ra mà biết là quấy, thì phải ăn năn sám hối, hầu ngày sau khỏi tái phạm. Ấy là: “*Quân tử thân kỳ sát thân*”. Trong giờ rảnh, ta nên để lòng thanh tịnh mà hàm dưỡng tinh thần, cùng là tưởng Trời, niệm Phật, nếu ta thành tâm tưởng niệm thì tự nhiên có Trời Phật độ ta vì Trời Phật tại tâm chớ chẳng đâu xa.

Chớ nên hện rằng: “*Nay tôi còn lo nhơn đạo, tu chưa được, đợi chừng nào nhơn đạo rồi sẽ tu*”. Tính như vậy rất lầm, vì Nhơn đạo tức là Thiên đạo. Nhơn đạo lo thành là phù hợp với Thiên đạo đó. Nếu rày lần, mai lựa, chẳng lo dưỡng tánh, tu tâm, đợi đến buổi chung qui mới rõ Thiên đàng Địa ngục thì đã muộn rồi.

Trên tôi nói không cần vô chùa mới là tu được, ấy là lời nói rộng cho kẻ mới làm đạo. Chớ chừng tu đến bậc

tối thượng thừa rồi, cũng phải vào tịnh thất hay là tìm chốn u huyền mà ẩn thân luyện đạo.

SAO GỌI LÀ TRỞ VỀ NGÔI CŨ?

Con người mới sinh ra, đã thọ lãnh một điểm linh quang (linh hồn) của Đấng Tạo Hóa. Điểm linh quang ấy lúc ban sơ còn mới mẻ, trong sạch, cho nên trong Tam Tự Kinh có câu: “*Nhơn chi sơ, tánh bản thiện*”. Lần lần con người lớn lên, say mê trần tục, vương lấy tội tình. Điểm linh quang ấy nhiễm lấy bợn nhơ mà hóa ra trọng trược. Ấy vậy, ta cần phải trau giồi nó lại cho trong sạch, nhẹ như xưa (nghĩa là tu) hầu ngày sau ta thoát xác rồi, linh hồn ta nhẹ nhàng sáng láng mới trông trở về ngôi cũ là nơi ta trước đã đồng bực cùng Đấng Tạo Hóa vậy.

TA CÓ NÊN TU MỘT MÌNH KHÔNG?

Ta phải tu một mình trước đã, rồi sau mới độ người. Nếu mình độ mình không được, thì mong độ ai? Song lời nói ấy là theo bậc thượng thừa kia, vì bậc ấy cần phải thanh tâm tịnh trí mà luyện đạo. Chớ như mình đây còn đương lộn theo trần tục, thì cũng nên độ người mà làm công quả đã.

Trong giờ rảnh thay vì đến nhà quen luận chuyện xằng, ta lại giữ chuyện tu hành đạo đức mà luận cho người nghe, may ra người có hồi tâm mà theo đường phải, thì là công đức của ta đó.

Vì vậy mà Thầy chúng ta buộc mỗi Môn đồ độ cho được ít nữa là mười hai người nhập môn.

TẠI SAO TA PHẢI LẬP CÔNG QUẢ?

Phàm muốn cất nhà, trước hết phải có tiền, phải lo mua cây, ngói, vôi, gạch, v.v...

Muốn đắc đạo làm Tiên, Phật, thì trước hết phải lo làm âm chất và công quả cho đầy đủ, xứng đáng phẩm vị ấy mới đặng.

Âm chất là tiền bạc vô hình, công quả là cây, ngói, vôi, gạch vô hình để cất cái nhà "*Làm Tiên Phật*" đó vậy.

Nếu không đạo đức cùng không đủ âm chất, dầu cho rõ máy huyền vi, cũng không trông luyện cho thành đạo.

KINH KỆ

Tụng kinh là tỏ dấu kính thành cùng Trời, Phật. Miệng tụng kinh, lòng tưởng đến Trời Phật, linh hồn mình dường như thông công với Trời Phật vậy. Và lại, mỗi lần tụng, miệng niệm ra những câu lành, tâm trí cảm giác theo, lâu ngày mình nhiễm lấy điều lành, rồi lần lần, mình bố hóa cho mình mà trở nên người lương thiện.

Tụng kinh phải cho thành tâm mới có cảm động, có cảm rồi mới có ứng, có ứng rồi mới có nghiệm.

Kinh kệ vốn khoa văn, thành tâm đưa linh hồn lên thông công cùng Thầy là thật hành. Nếu chẳng thật hành, khoa văn chẳng ích chi.

Langsa gọi: *Théorie sans pratique.*

Hướng chi kinh điển mỗi mỗi đều có ý tứ sâu xa, tụng kinh phải cầu lý, vô lý chẳng phải kinh. Nhờ hiểu thông cho cạn lý mới thấu đáo Thiên cơ, mới đặng hiệp tánh cùng Chí Tôn. Hiệp tánh của Chí Tôn tức là hiệp tánh của Tiên Phật. Người chẳng xét nét cùng lý kinh điển, để chế độ thật hành, dầu khổ mõi, đánh chuông, tụng kinh ngày đêm, hao khí, tổn thân, đến chết cũng không thành đạo đặng.

Phải kính thanh, tâm thanh, khẩu thanh thì cầu kinh mới cảm ứng.

Tóm lại, kinh kệ cốt để tỏ dấu kính thành Trời, Phật, Thánh, Thần, để cảm hóa lòng người và chỉ rõ máy huyền vi cho người làm đạo, chớ chẳng phải làm cho người trở nên Tiên, Phật được.

Muốn làm Tiên Phật phải luyện Tinh-Khí-Thần, rồi nhờ huyền diệu Chí Tôn hiệp nhứt. Mà phép luyện đạo là Tiên Thiên bí thuật, cần có Minh Sư chỉ điểm mới nên.

Ta nay nhờ có Thầy là Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế độ rồi phân hồn, ấy là Đệ Nhứt Minh Sư đó, miễn ta thành tâm tu niệm, trì trai, giữ giới, hễ ngày giờ đến, là buổi công viên, quả mãn, lo chi luyện đạo không thành.

PHẠM VONG CẦN PHẢI CẦU SIÊU

Trời Phật là Đấng Đại Từ, Đại Bi, thấy con cháu thành tâm cầu kinh rồi tội cho ông bà, cha mẹ, vì thương lòng chí hiếu mà giảm bớt tội cho.

Còn phạm vong nghe đến câu kinh cũng được cảm hóa ít nhiều, biết ăn năn về lỗi trước, bớt lần sự đau đớn của lương tâm hành phạt.

Vì vậy mà phạm vong cần có con cháu cầu siêu, còn kẻ tụng kinh phải thành tâm trai giới khẩn cầu, may ra mới có cảm động lòng Trời Phật.

CÚNG TẾ

Sự cúng tế chẳng qua là tỏ ra bề ngoài lòng thành kính ở trong, chớ chẳng phải cúng tế đặng cho Trời Phật độ. Muốn cho Trời Phật độ, trước hết mình phải độ lấy mình đã, nghĩa là mình phải biết tu tâm, dưỡng tánh, diệt tận phàm trần, sau Trời Phật mới chỉ tâm pháp diệu lý cho mình luyện theo cho trúng cách thì mới trông mong siêu phàm nhập Thánh được.

Tỉ như mình đương đói, có người đem đồ ăn lại cho mình, nếu mình cứ ngó đồ ăn hoài thì thế nào mình no được?

Muốn no, cần phải ăn, muốn thành Tiên Phật, phải luyện theo tâm pháp diệu lý của Tiên Phật chỉ mới được.

Thường thấy nhiều người hay cúng chùa niệm Phật, tụng kinh mà chẳng thiện tâm, cứ cho vay ăn lời thái quá, mắng chửi tôi đòi, việc ác nào cũng chẳng chừa.

Những kẻ ấy dầu cho cúng tế tới chết cũng chẳng siêu thăng được, có chẳng là thêm tội cho mình đó thôi.

Tiên Nho có câu rằng: *“Thiên Địa chí công, Thần minh ám sát, bất vị tế hưởng nhi giáng phúc, bất vị thất lễ nhi giáng họa”*.

Tuy vậy, chớ việc cúng tế chớ khá bỏ qua. Nếu là việc vô ích thì Thánh Hiền xưa chế ra lễ nghi tế tự làm chi?

Ta cúng tế Trời Phật mà ta biết tu tâm, dưỡng tánh, thì chi tốt bằng? Ấy là gấm thêm hoa đó.

Như ta thờ Thầy ta là Ngọc Hoàng Thượng Đế, ta cần phải cúng Tứ thời. Sự cúng ấy có ích cho ta, chớ không

có ích chi cho Thấy.

Mỗi ngày ta cúng, đạo tâm ta mới nở nang, tứ chi chuyển động, tinh thần cảm hóa, nếu bỏ qua việc cúng tế, chi cho khỏi lòng đạo của ta một ngày một xao lãng, sự thành kính của ta một ngày một phui pha mà ra điều thất lễ.

KIẾP NGƯỜI

Một đời người trên cõi tạm này găm lại không mấy lát: Mới tóc xanh, kể bạc đầu như ngựa qua cửa sổ, như nước chảy hoa trôi, sống đó, thác đó.

Vả cái sống là cái cùng khổ của đời người, thường gặp nhiều sự đau đớn hơn là vui vẻ. Nào là sanh khổ, lão khổ, bệnh khổ, tử khổ, nào là khổ thương tâm, oán hận trong cơn tử biệt sanh ly, trong buổi thời quai vận kiển.

Ta lo làm cho nhọc xác, hao tổn tinh thần, làm giàu của chất đầy rương. Một mai nhắm mắt đi rồi, thì bao nhiêu sự nghiệp, lợi danh thấy đều phui sạch, chỉ đem theo xuống dạ đài có hai món là Phước với Tội mà thôi. Phước Đức là sự nghiệp sẵn dành nhờ đó mà linh hồn ta được tiêu diêu nơi lạc cảnh Thiên đường hưởng nhờ Thanh phước, hoặc tái kiếp lại trần gian mà hưởng nhờ Hồng phước. Còn Tội Lỗi là mối dây oan nghiệt để buộc trói linh hồn ta nơi Địa ngục, A Tỳ, hoặc kéo lại trần gian, đưa vào cõi “*Luyện hình*” (*1) mà đền bồi tội trước, thì cuộc vay trả, trả vay biết bao giờ cho dứt? Vậy thì ta nên tu tâm dưỡng tánh mà độ lấy phần hồn, ấy là phương pháp diệt lao thoát tục đó.

(*1) Cõi “*Luyện hình*” là chỗ linh hồn kẻ hung ác phải chịu hình phạt mà đền tội lỗi. Langsa gọi là “*Purgatoire*”. Cõi luyện hình tức là cái cảnh khổ cùng khốn nạn của kẻ vì kiếp trước bạo tàn tội lỗi mà kiếp này phải đọa.

LUẬN VỀ SỰ CHẾT

Thường thế gian gọi chết là hết, vì dốt không biết Đạo nên tưởng lầm. Ta vẫn có hai cái xác thân: Một xác thân thiêng liêng và một xác phàm. Cái xác thiêng liêng mới thiết là chánh thân của ta, vì nó không tiêu, không diệt. Còn xác phàm chẳng qua là xác tạm đó thôi, nó cũng như cái nhà cho linh hồn ở tạm trong đó một kiếp ngắn ngủn vậy. Hễ cái nhà ấy hư (tức là ta chết) thì linh hồn bỏ nhà ấy, kiếm nhà khác. Nếu lúc sanh tiền ta làm nhiều âm chất thì hồn ta được ở nhà khác, mà cao sang đẹp đẽ. Ấy là chuyển kiếp làm người giàu sang sung sướng.

Bằng chẳng vậy thì phải ở nhà khác mà xấu xa chật hẹp. Nghĩa là chuyển kiếp làm người nghèo cực, tật nguyên. Hoặc làm thân trâu ngựa, mang lông, đội sừng, mà đến bồi tội trước. Còn muốn nhập Thánh vức, khỏi luân hồi, thì chỉ có phương tu luyện mà thôi.

Ấy vậy, hễ biết Đạo rồi, thì cho cái chết là cái không có. Chết bất quá là thay đổi chỗ ở mà thôi. Chớ cái xác thiêng liêng vẫn còn đời đời kiếp kiếp. Nên chi ta phải lo cho phần hồn hơn phần xác, nghĩa là tu.

Có nhiều kẻ gặp lúc khốn đốn, khổ cùng, liêu mình đi tưởng vậy là phải sạch nợ trần. Điều ấy lấy làm sai lầm, vì mình bị điều sâu nã đó là tại nơi quả báo tiền khiên.

Tự vận là muốn tránh hình phạt ấy, cũng như tội hơn vượt ngục vậy. Khi chết rồi phải chuyển kiếp để đền tội cho tất, chớ không trốn tránh đâu khỏi được. Té ra tránh đâu nợ, mắc đâu kia, lại còn bị miệng thế dèm pha là khác.

Phương ngôn Langsa có câu: “*Le désespoir est naturel chez celui qui croit que tout finit avec la vie du corps; c’est un non-sens chez celui qui a foi en l’avenir*”. Nghĩa là: “*Sự ngán đời (hủy mình) xem chẳng chi lạ cho kẻ tưởng rằng thân hết thì đời hết; còn với kẻ tin có kiếp vị lai thì không nghĩa lý chi cả*”.

KIẾP LUÂN HỒI

Kiếp luân hồi thay đổi từ trong vật chất mà ra thảo mộc, từ thảo mộc đến thú cầm, từ thú cầm mới tới địa vị Nhơn phẩm. Đến kiếp người rồi phải luân đi, chuyển lại nhiều lần mới được hoàn toàn, cho đến khi tìm ra mối Đạo, tu tâm, luyện tánh, thoát khỏi luân hồi đặng siêu phàm nhập thánh là buổi cùng đường luân chuyển.

Nay ta được làm người đây, thì ta đã trải qua biết muôn muôn, vòn vòn kiếp trước. Trong mỗi kiếp ta đã hiểu thấy chút ít, luân chuyển kiếp nầy qua kiếp kia, thì sự kiến thức, học hỏi của ta càng tăng thêm mãi.

Ta thường thấy nhiều đứa con nít trí huệ thông minh, đứa giỏi môn học nầy, đứa lại thiên về môn học kia. Ta gọi mấy đứa trẻ ấy có thiên tư. Cái thiên tư ấy vẫn do nơi sự học hỏi của chúng nó trong nhiều kiếp trước.

Tôi xin trưng ít bằng cơ dưới đây, để chứng rằng có kiếp luân hồi.

Rơm là một loại thảo mộc, mà ủ rục rồi lại sanh ra nấm. Nhiều thứ lá cây hóa ra côn trùng, như cào cào, giọt sành, con lăng quăng hóa ra con muỗi, sâu thành bướm, lươn hóa chồn, v.v...

Phàm muôn loại, dầu lớn, dầu nhỏ, hễ biết bò, bay, máy, cựa đều có linh hồn (*1), ấy đó linh hồn con lươn trở nên linh hồn con chồn. Vậy thì linh hồn con sanh vật chuyển lại làm linh hồn con người cũng chẳng lạ; mà linh hồn người nầy chuyển làm linh hồn người kia lại càng chẳng lạ hơn nữa. Ấy là luân hồi chuyển kiếp, tức là cuộc biến thiên của vạn loại.

Nếu không có luân hồi, quả báo, thì đâu có phép công bình thiêng liêng Tạo Hóa? Ví kiếp chết là kiếp mất, thì ai lại tu Nhơn tích đức làm chi, việc ác nào lại chẳng dám làm, miễn là được của nhiều, vui lòng, sướng dạ, vợ ấm, con no, phu phỉ cho qua một kiếp, vì đến buổi lâm chung thì ai như nầy, khỏi lo lành thưởng, dữ răn.

(*1) Như côn trùng nhỏ nhít, thì một đám sanh một lượt duy có một linh hồn chia ra mà thôi (âme groupe).

NHƠN QUẢ

Nhơn quả là một cái luật thưởng phạt tự nhiên, để ảnh hưởng những điều lành dữ của ta làm. Nhơn quả cũng như một cái gương (kiếng) để rọi mặt. Mặt ta sạch, kiếng rọi ra sạch, mặt ta dơ, kiếng rọi ra dơ.

Nhơn quả cũng tỉ như một tấm vách tường, điều lành dữ ta làm như một trái banh bằng thun liêng vào vách ấy. Hễ liêng nhẹ, thì banh dội nhẹ, còn liêng mạnh thì banh dội mạnh. Tiên Nho có câu: “*Chuông kêu đục đục, chuông qua đục qua*”.

Ta là chủ của nhơn quả ta, vì tự ta gây nó ra. Nếu ta muốn cái kiếng rọi mặt ta cho sạch sẽ, thì ta rửa mặt cho sạch, ta muốn vách tường dội banh lại nhẹ, thì ta liêng nhẹ, v.v... Nếu ta muốn kiếp sau đặng hưởng giàu sang, phú quý, thì kiếp này ta lo làm lành lánh dữ. Ấy là Tu.

Vả lại điều họa phước không có tìm ta: Tại ta vời nó đến. Cho nên trong Kinh Sám Hối có câu rằng:

*“Điều họa phước không hay tìm tôi,
Tại người vời nên mới theo mình”.*

Có người tu nhơn, tích đức lại chịu nghèo cực, khổ hèn, còn kẻ bạo tàn, hung ác, có khi được hưởng phước giàu sang. Tại sao vậy?

Vì kẻ nghèo hèn ấy kiếp trước đã làm nhiều tội lỗi, cho nên kiếp này phải chịu thảm sầu để đền bồi tội ấy, mãn hạn rồi sẽ được hưởng phước giàu sang, hoặc đợi đến kiếp sau mới hưởng.

Còn kẻ giàu sang nói trên đó, tuy bây giờ làm nhiều

điều tội lỗi, mà nhờ kiếp trước tích đức tu nhân, nên kiếp này được hưởng cuộc vinh hoa phú quý, đợi hưởng hết rồi mới bị hành phạt về tội lỗi bây giờ, hoặc đợi kiếp sau.

Muốn biết kiếp trước mình, hãy xem số phần mình bây giờ đây. Muốn rõ kiếp sau mình, hãy xét điều lành dữ mình làm bây giờ đó.

Cho nên có ba bậc nhơn quả:

Tiền thế nhơn quả,

Kim thế nhơn quả,

Hậu thế nhơn quả.

Trời đất rất công, dữ lành báo ứng, xin ai xét lấy răn mình thì gần Thân, Tiên vậy.

CƠ BÚT

Cơ bút là việc tối trọng trong Đạo. Chúng ta từng thấy nhiều đứa trẻ học hành thì tối tăm, mà vẽ vờ lại khéo léo. Lại có đứa học văn giỏi giải, còn bút toán chẳng ra chi, v.v...

Vì mỗi đứa đều có thiên tư riêng. Việc bút cơ cũng vậy, mỗi người tuy tập được, mà chẳng phải giỏi hết được. Người có thiên tư về cơ bút, tập cơ bút mới hay. Kẻ phò cơ, chấp bút là người thông ngôn (interprète, intermédiaire) của Thần, Thánh, Tiên, Phật vậy. Nếu thông ngôn dở và không quen thuộc, thì làm sao có chỗ hay được? Vì vậy mà kẻ chấp cơ cần phải tập luyện mới được thuần thục, và nhứt là phải có khiếu thông minh mới được hoàn toàn.

Khi chấp cơ phải cho đại tịnh, thì chơn thần (périsprit) xuất hoặc khởi xác (đồng mê), hoặc một phần khởi xác (đồng tỉnh) mà nghe dạy rồi viết theo, có một hai khi viết trật chữ nữa (orthographe).

Chơn thần viết ra là nhờ điển quang (*1) trong mình tiếp với điển quang ngoài mà làm cho tay mình cử động.

Như chơn thần mình mình mẫn, thì nghe sao đó lại vậy; còn nếu nó không có khiếu thông minh, thì hoặc nghe không rõ, hoặc không nhớ, rồi đó lại sai đi. Cho nên có người phò cơ chấp bút, cũng viết lằng xằng mà câu văn lấy làm vô vị. Lại vậy nữa, có khi kẻ chấp cơ không đại tịnh, chơn thần muốn điều chi rồi tự ứng viết ra (autosuggestion).

Nếu chơn thần không được tinh tấn và tâm tánh có nét vạy tà, thì tà mị nương theo đó mà nhập cơ, mạo

nhận tên ông Thánh nầy, ông Tiên nọ mà dẫn dụ ta vào đường bất chánh.

Vậy nên việc cơ bút lấy làm tối trọng, dùng đến phải quan phòng. Nếu cơ bút viết ra câu văn xằng xịu và dạy điều trái đạo lý, tốt hơn kẻ phò cơ phải dẹp đi cho khỏi điều quan hệ về sau.

Tỉ như mình ép ai làm điều chi mà người ấy không đủ sức, hoặc không khứng làm, thì thế nào họ làm vừa lòng mình được. Chơn thần cũng vậy, nếu nó không hạp về việc cơ bút, mình vì ham mộ mà ép nó, bắt đắ dĩ nó phải vâng theo, thế thì làm sao cho có huyền diệu được? Có khi mình làm cho nó rối loạn đi, thì lấy làm thiệt hại cho mình, không diên thì cũng ngầy ngật mà chớ, như nhiều gương chúng ta đã thấy rồi.

Có kẻ hỏi rằng: *“Nếu đàn nầy cầu Thầy, đàn kia cầu Thầy, thậm chí đến sáu bảy đàn cầu Thầy một lượt, thì làm sao Thầy giáng cơ cho hết?”*

Tôi đã nói rằng Thầy là một khối linh quang rất lớn, điển quang Thầy bao trùm cả Càn Khôn, Thế Giới, Thầy ngự một chỗ như tại nhà dây thép chánh vậy. Muốn giáng nơi đâu, Thầy cứ dùng điển quang mà truyền tin, chơn thần kẻ phò cơ tiếp lấy rồi đó lại, cũng như sở dây thép chánh truyền tín cho các sở nhánh vậy. Thế thì Thầy ngự một chỗ, dùng huyền diệu Chí Tôn ấy mà chứng đàn cả ngàn chỗ một lượt cũng chẳng lạ chi.

Như chấp cơ mà mê, thì chơn thần ra trọn khởi xác, nghe dạy tỏ rõ, cho nên thi phú được trọn hay, vì là phần của Thánh, Tiên làm ra, kẻ chấp cơ không dự đến, các Ngài chỉ mượn xác đồng mà làm cây bút viết ra vậy thôi. Song dùng đồng mê phải nhiều khó khăn, cực nhọc mới

được một ít lời hoặc một vài câu thi mà thôi, có nhiều khi câu đôi ba đêm mà không được, là vì nhằm khi chơn thần kẻ chấp cơ không ra trọn xác. Lại nơi đàn phải cho đại tịnh, một tiếng gà gáy, chó sủa cũng đủ làm cho Thần, Tiên thăng đi, là vì lúc ấy chơn thần kẻ thủ cơ nghe tiếng động, hoảng kinh nhập về xác.

Đồng tĩnh thì chơn thần ra không trọn khỏi xác, thi phú viết ra một hai khi có chỗ khuyết điểm, là vì chơn thần nghe không được tỏ rõ nên đồ lại sái đi chút ít.

Nhưng dùng đồng tĩnh có chỗ tiện nhiều hơn đồng mê: Đã dễ cầu đàn, lại khỏi lo về phần động tịnh cho lắm.

Điều xin nhớ: – Thần, Thánh, Tiên, Phật, giáng cơ là thấy ta thành tâm cầu khẩn đến dạy dỗ chúng ta theo đường đạo đức, chớ chẳng hề lậu máy Thiên cơ cho ta biết đâu. Các Ngài muốn dạy điều chi tự ý, chớ chẳng phải ta muốn hỏi điều chi được nấy, cho nên có nhiều khi không khứng trả lời theo ý muốn của ta.

Việc phò cơ, chấp bút tôi đã thường dùng, nên hiểu thấu chút ít về diệu tánh bút cơ mới dám luận sơ ra cho chư Đạo hữu nghe chơi. Việc cơ bút có lắm điều quan hệ, nếu không lệnh Thầy, xin đừng tập đến là tốt.

(*1) Trong mình mỗi người đều có điển. Kẻ mới thác, điển quang trong thân chưa thiệt dứt, nếu có một con mèo nhảy ngang qua, điển trong xác ấy tiếp với điển con mèo, rồi thân ma chuyển động, đi đứng như hồi sống, chừng hai đường điển tan ra, thì hết. Các loài thú, chỉ có con mèo là nhiều điển hơn hết, nhứt là mèo mun tuyền sắc, có kẻ gọi là Linh miêu.

MƯỜI BÀI THI KHUYẾN ĐẠO

I.

*Danh lợi bôn chôn lấm cực lòng,
Đáo đầu muôn việc vốn không không.
Mê tân chân bước dang xa mé,
Oan trái lòng toan thoát khỏi vòng.
Hứng giọt nước dương dầm mát mặt,
Chèo thuyền biển khổ lướt êm dòng.
Cuối đường ngánh lại miên xung đột,
Xe ngựa mà kinh đám bụi hồng.*

II.

*Bụi hồng xót kẻ lếp vùi thân,
Bao thuở ăn năn định tỉnh thân?
Ngoài cõi thanh thoi là Cực lạc,
Trong vòng buộc trói ấy dai cân.
Đai cân một giấc dai cân mộng,
Cực lạc muôn đời Cực lạc xuân.
Xuân dập, thu dôn, con ác xế,
Một ngày tắc bóng một trâu lần.*

III.

*Lần bước chen vào chốn thanh thoi,
Hơn ngàn phú quý đổi trên đời.
Khôn ngoan tính quỷ bày trăm chước,
Hình vóc tiêu ma có mấy hồi.
Chi bằng tu tâm cùng dưỡng tánh,
Để chờ phước Phật với ơn Trời.*

Trời đâu có phụ người thiên niệm,
 Tượng bởi người tìm chấ
 Biết nơi Chánh Đạo rần lẩn dò,
 Cái kiếp làm người ấy kiếp lo.
 Ham miếng cao lương thường hại mạng,
 Mê mỗi danh lợi lưỡng bày trò.
 Họa kia mấy thuở tìm người đến,
 Người lại nhiều phen rước họa vô.
 Sao bằng tương đưa thừa sống rồn,
 Luân hồi sau mới thoát thân cho.

V.

Thoát thân cho khỏi đọa tam đồ,
 Cánh cửa nhà Tiên mặc sức xô.
 Đại Đạo mở Tam Kỳ Phổ Độ,
 Chung thân gìn nhứt niệm Nam Mô.
 Se sua trời kẻ chân hài hớn,
 Lam lụ quen mình tắm vải bó.
 Bô vải bốn mùa che ấm lạnh,
 Rách mà cho sạch, rách thơm tho.

VI.

Thơm tho là chín phẩm tòa sen,
 Sao dặng về sau núp dưới bèn.
 Miễn tục lánh theo miễn tịnh độ,
 Xác phàm đổi lấy xác thiêng liêng.
 Niết Bàn ví chẳng khi kẻ Phật,
 Bông Đào nào không lúc dựa Tiên?
 Tiên Phật vốn người, người cũng thế,
 Thế nhiều công quả mới là nên.

VII.

Nên chằng cũng tại ở lòng mình,
 Nghi hoặc vì chùng kém đức tin.
 Tin tưởng Phật, lòng thành ấy Phật,
 Mến yêu tinh, dạ quấy là tinh.
 Vô vi chưa dễ bày chân tướng,
 Bất chánh thường hay lộ giả hình.
 Tự cố đà chia năm mối Đạo,
 Đạo nào cũng một gốc làm lành.

VIII.

Làm lành, lánh dữ ấy phương tu,
 Khổ hạnh, dày công Cá hóa Cù.
 Đuốc huệ rạng soi làn bóng tối,
 Phật trần quét sạch đám sương mù.
 Vừa chường đất Việt vun nền chánh,
 Phải buổi trời Nam mở Đạo to.
 Thiên Địa tuần hườn từ trước định,
 Gom về một mối: Thích, Tiên, Nho.

IX.

Nho Giáo từ xưa Khổng Thánh roi,
 Trải bao dâu bể hóa sai đời.
 Duy trì mối Đạo nào không kẻ,
 Bồi đắp nền Nhơn sẵn có người.
 Sẵn có người lo đâu kể vốn,
 Nào không kẻ chịu giúp nên lời?
 Vốn lời rồi cũng đồng công quả,
 Công quả khuyển ai chớ bỏ trôi.

X.

*Chớ bỏ trôi xuôi mối Đại Đồng,
Trước lo làm Đạo, phải làm công.
Rung chuông tỉnh thế ba kỳ đội,
Thức khách mê tân một giấc nồng.
Kẻ trước người sau qua biển khổ,
Em dìu anh dắt lại non Bông.
Bỏ điều vui tạm trên đời tạm,
Danh lợi bên chôn lấm cực lòng.*

CHUNG

TIÊN THIÊN TIỂU HỌC

Của NGUYỄN TRUNG HẬU

In tại nhà in HOÀNG HẢI 152 Đường Cô Giang SÀI GÒN

1955

Thánh Thất New South Wales - Australia

Tái ấn hành năm Nhâm Ngọ 2002

thanhthatnsw@yahoo.com.au

TIÊN THIÊN TIỂU HỌC

Tác Giả: NGUYỄN TRUNG HẬU